

7. QUY TRÌNH KỸ THUẬT THÂM CANH NGÔ LAI LVN81 (HT818)

Phan Xuân Hào, Mai Xuân Triệu, Vương Huy Minh*,
Nguyễn Thị Nhài, Đào Ngọc Ánh và cs.

I. NGUỒN GỐC

LVN81 (HT818) là giống ngô lai đơn từ 2 dòng thuần H65 và IL 9 do các tác giả Phan Xuân Hào, Mai Xuân Triệu, Vương Huy Minh, Nguyễn Thị Nhài, Đào Ngọc Ánh và cs, Bộ môn Chọn tạo giống, Viện Nghiên cứu Ngô, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam chọn tạo theo phương pháp kinh điển.

Giống đã được Bộ NN&PTNT công nhận cho sản xuất thử theo quyết định số 661/QĐ-TT-CLT, ngày 11 tháng 11 năm 2011.

LVN81 đã được chuyển giao quyền phân phối cho Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Giang với tên mới là HT818.



II. ĐẶC TÍNH NÔNG HỌC

HT818 có thời gian sinh trưởng trung bình sớm: Vụ xuân 120 - 125 ngày; vụ hè thu: 85 - 90 ngày; vụ thu 90-110 ngày). Cây cao trung bình (200-220 cm), cao đồng bấp trung bình (80 - 100 cm).

Khả năng chịu hạn, chịu rét rất tốt, ít nhiễm sâu bệnh, lá bị bao kín, khả năng kết hạt rất tốt, bấp chắc, hạt bán răng ngựa, tỷ lệ hạt cao, màu vàng cam đẹp.

Tiềm năng năng suất của giống rất cao, trong điều kiện thâm canh tốt (đúng mật độ, khoảng cách, phân bón đủ) có thể đạt năng suất trên 12 tấn /ha.

Giống có khả năng thích ứng rất rộng, trồng được trong các vụ ngô chính trên địa bàn cả nước.

III. QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT

1. Thời vụ

Trồng được trong tất cả các vụ ngô chính trên cả nước. Vụ đông ở đồng bằng Bắc bộ gieo hoặc làm bầu đến 25 tháng 9.

Các vụ khác: Chọn thời điểm gieo trồng thích hợp nhất trong vùng để đảm bảo ngô có đủ ẩm, ấm trong giai đoạn mọc, khi ngô trở cò, thụ phấn không gặp nhiệt độ quá thấp hoặc quá cao (<15°C và >35°C), mưa hoặc bão,...

* Email: minhnmri@gmail.com

2. Mật độ, khoảng cách

- Mật độ: 67.000 - 75.000 cây/ha.
- Khoảng cách: Hàng cách đều 50 – 60 cm, cây cách cây 25 – 28 cm. Hàng kép 40 cm và 60 cm hoặc 35 cm và 65 cm, cây cách cây 26 -28 cm. Mỗi hốc để 1 cây, nên trồng so le nhau.



3. Phân bón

- Lượng phân bón cho 1 ha: Để đạt năng suất 10 - 12 tấn/ha, tùy chất đất và điều kiện có thể bón cho 1 ha: Phân chuồng: 10 - 15 tấn hoặc hữu cơ vi sinh 2 - 3 tấn + Phân đạm Urê 450 - 500 kg + Supe Lân: 600 - 700 kg + Kali: 180 - 200 kg.

- Cách bón:

Công thức chung: Bón lót toàn bộ phân chuồng, hữu cơ vi sinh và phân lân. Thúc lần 1: Khi ngô có 3 - 4 lá: 1/3 đạm + 1/2 kali. Thúc lần 2: khi ngô có 8 - 9 lá: 1/3 đạm + 1/2 kali. Thúc lần 3: trước khi trổ 5 - 7 ngày: bón hết số phân còn lại.

Cũng có thể bón NPK theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

Ngay sau trổ, nếu lá có màu vàng nhạt, có thể bón bổ sung 50 - 80 kg đạm/ha.

Tùy theo kết cấu đất, mùa vụ và tình trạng cây để thay đổi số lần và lượng phân bón cho phù hợp.

4. Phòng trừ sâu bệnh

Rắc Basudin 10H, Regent 800 WP trộn cát hoặc các loại thuốc khác theo chuyên gia bảo vệ thực vật để phòng sâu xám, sâu cắn lá, đục thân, đục bắp, rệp cờ...

5. Phòng trừ cỏ dại

Sử dụng thuốc trừ cỏ để giảm công lao động và tăng năng suất. Một số loại thuốc thông dụng như:

- Duall 720ND: Diệt trừ hữu hiệu nhiều loại cỏ thuộc cả ba nhóm cỏ hòa thảo, cỏ lác và cỏ lá rộng như cỏ lông vục, cỏ cháo, cỏ đuôi phụng, rau mương...

- Glyphosate 48CS: Đây là loại thuốc diệt cỏ không chọn lọc dùng cho đậu nành, đậu xanh, ngô. Glyphosate diệt được hầu hết các loại cỏ trên ruộng, kể cả những loại cỏ khó diệt như cỏ cú, cỏ chỉ, cỏ lông tây, cỏ tranh, lúa mọc lẫn trên ruộng màu... chú ý là dùng tấm cao su che cây trồng lại khi phun.

- Nabu 12,5EC: Là loại thuốc diệt cỏ hậu mọc mầm, dùng để diệt cỏ cho những cây trồng cạn hai lá mầm như những cây họ đậu, bông vải; không dùng cho bắp.

- Whips 7.5EW: Là loại thuốc đặc hiệu để trừ các loài cỏ thuộc nhóm hòa thảo như cỏ lông vục, cỏ đuôi phụng, cỏ gà,... không có tác dụng đối với những loài cỏ thuộc nhóm lá rộng và nhóm cỏ cỏ lác.

6. Tưới tiêu nước

Cây ngô là cây cần nước nhưng không chịu được ngập úng. Do vậy cần chủ động tưới đủ nước cho ngô trong suốt quá trình sinh trưởng của cây, đặc biệt là các giai đoạn cây con, trước trổ cờ 2 tuần, trong suốt quá trình trổ cờ - thụ phấn và sau trổ 2 tuần. Chống úng cho ngô trong suốt các thời kỳ sinh trưởng, tránh các hiện tượng úng ngập gây hại cho ngô.

7. Thu hoạch và bảo quản

- Khi ngô chín sinh lý (lá bi vàng) là có thể thu hoạch được. Tuy nhiên, tùy điều kiện thời tiết có thể thu hoạch khi lá bi khô để giảm chi phí sấy.

- Bảo quản trong qui mô nhỏ: Để hạn chế tỷ lệ tổn thất trong bảo quản phải có dụng cụ bảo quản và chất lượng ngô đem bảo quản thích hợp.

Các dụng cụ chứa (chum, vại, thùng...), kho bảo quản phải khô, sạch và có nắp kín; có thể dùng bao nylon lồng trong bao đay hoặc bao tơ dứa.



Nơi bảo quản phải có mái che, khô ráo, thoáng, không bị ẩm, dột, có biện pháp phòng chống sâu mọt, chuột... Nhà kho phải có phen cốt ngăn cách sàn và tường kho, được làm vệ sinh và phun thuốc phòng trừ côn trùng hại kho (như Sumithion, Malathion, DDVP, phốt phua nhôm...).

- Chất lượng ngô đem bảo quản: Ngô đưa vào bảo quản phải đạt các tiêu chuẩn khô (ẩm độ <13%), sạch và có phân loại. Tỷ lệ tạp chất trong ngô đưa vào bảo quản phải dưới 1%. Không có sâu mọt sống trong khối hạt. Bằng mắt thường quan sát không thấy có hạt bị men mốc.

IV. ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ ÁP DỤNG

HT 818 đã được trồng trên khắp cả nước, đặc biệt có ưu thế ở Đắc Lắc (Eatu, Buôn Đôn, Buôn Ma Thuột, Eaka), Nghệ An (Nam Đàn, Thanh Chương), Thanh Hóa, Sơn La (Mộc Châu, Mai Sơn, Phù Yên), Hà Nội (Đan Phượng, Ba Vì), Bắc Giang (Việt Yên, Lạng Giang),... Quy mô mỗi năm ước tính khoảng 1.500 ha.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT, Cục Trồng trọt, *Hướng dẫn qui trình thâm canh một số cây trồng*, NXB Nông nghiệp, 2006.
2. Phan Xuân Hào (2007), *Vấn đề mật độ và khoảng cách trồng ngô*. Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, 16/2007
3. Phan Xuân Hào, Lê Văn Hải (2007). *Kết quả nghiên cứu ảnh hưởng khoảng cách hàng đến năng suất một số giống ngô trong vụ xuân*. Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 12+13, 2007.

4. Phạm Mỹ Hoa, Đặng Duy Minh, Phạm Sỹ Tân, Trịnh Quang Khuông (2006). *Agronomic analysis of experiments in North MD of Vietnam. Workshop on Site-Specific Nutrient Management for Maize in Vietnam*. Hanoi 7 - 9 August, 2006.

5. Witt Chistian. (2007), *Towards an Ecological Intensification of Maize Production in favorable tropical environments*, Workshop on rice-maize in VietNam, HaNoi, VietNam, 3-5/10/2007.

8. QUY TRÌNH KỸ THUẬT THÂM CANH GIỐNG NGÔ ĐƯỜNG LAI 20

Phan Xuân Hào, Nguyễn Thị Nhài, Đặng Ngọc Hạ,
Vương Huy Minh*, Đào Ngọc Ánh và cs.

I. NGUỒN GỐC

Giống ngô Đường lai 20 (ĐL20) là giống ngô đường lai đơn do Bộ môn Chọn tạo giống, Viện Nghiên cứu Ngô chọn tạo từ 2 dòng thuần HD1 và HD4 theo phương pháp chọn tạo truyền thống. DL20 được công nhận cho sản xuất thử theo Quyết định số 169/QĐ-TT-CLT ngày 14 tháng 5 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.



II. ĐẶC TÍNH NÔNG HỌC

Thời gian sinh trưởng ngắn, từ khi gieo đến thu hoạch từ 65 - 75 ngày (tùy vụ).

Giống ngô ĐL20 có độ đồng đều cao về cây và bắp, ít cây vô hiệu, chống đổ khá, ít nhiễm sâu bệnh. Chiều cao cây: 215 – 225 cm; cao đóng bắp: 95 – 110 cm. Chất lượng ngon: ngọt, thơm.

Năng suất cao (Bắp tươi 15 - 18 tấn/ha).

III. QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT

1. Thời vụ

Trồng được nhiều vụ trong năm. Vụ đông miền Bắc có thể làm bầu đến 15/10.

Các vụ khác: Chọn thời điểm gieo trồng thích hợp nhất trong vùng để đảm bảo ngô có đủ ẩm, ẩm trong giai đoạn mọc, khi ngô trở cờ, thụ phấn không gặp nhiệt độ quá thấp hoặc quá cao (<15°C và >35°C), mưa hoặc bão,...

2. Mật độ khoảng cách

- Mật độ: 4,7 - 5,1 vạn cây/ha.

- Khoảng cách: 70 cm x 28-30 cm.

* Email: minhnmri@gmail.com